

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ
THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT
XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

Chuyên ngành: Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đỗ Thị Phương

Phản biện 1

Phản biện 2

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi: giờ ngày tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU..... 1

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN..... 7

- 1.1. Khái niệm, đối tượng và phạm vi của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân..... 7
- 1.1.1 Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân 7
- 1.1.2. Đối tượng của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân 12
- 1.1.3. Phạm vi của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự..... 13
- 1.2. Cơ sở quy định thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân..... 16
- 1.2.1. Cơ sở lý luận..... 16
- 1.2.2. Cơ sở thực tiễn..... 20
- 1.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm của một số nước trên thế giới..... 22
- 1.3.1. Viện công tố Cộng hòa liên bang Đức..... 22
- 1.3.2. Viện công tố Nhật Bản 25
- 1.3.3. Viện công tố Pháp..... 29

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG35

- 2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân 35
- 2.1.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân..... 35
- 2.1.2. Quy định của pháp luật về kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân..... 42
- 2.2. Thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân 53
- 2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân 53
- 2.2.1.1. Những kết quả đạt được..... 53
- 2.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được..... 61
- 2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế 65
- 2.2.2.1. Những hạn chế 65

| | |
|---|------------|
| 2.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế | 71 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN..... | 78 |
| 3.1. Hoàn thiện pháp luật..... | 78 |
| 3.1.1 Hoàn thiện pháp luật hình sự | 78 |
| 3.1.2. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự..... | 80 |
| 3.1.3 Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác | 84 |
| 3.2. Các giải pháp khác..... | 85 |
| 3.2.1. Hoàn thiện về tổ chức | 85 |
| 3.2.1.1. Tăng cường vai trò của Lãnh đạo | 85 |
| 3.2.1.2. Sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bố trí những kiểm sát viên có năng lực thật sự vào khâu thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự..... | 87 |
| 3.2.1.3 Tăng cường sự phối kết hợp giữa các Viện phúc thẩm và Viện kiểm sát các địa phương về công tác kháng nghị phúc thẩm..... | 89 |
| 3.2.1.4. Cần tăng cường và đổi mới công tác tập huấn các văn bản pháp luật và nghiệp vụ..... | 91 |
| 3.2.1.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất..... | 93 |
| 3.2.2. Hoàn thiện về cán bộ | 96 |
| 3.2.2.1. Nâng cao giáo dục, ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho Kiểm sát viên..... | 96 |
| 3.2.2.2. Tăng cường bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ Kiểm sát viên..... | 99 |
| KẾT LUẬN | 105 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 107 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay đòi hỏi phải nâng cao chất lượng hoạt động của Cơ quan tư pháp trong đó việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) nói chung và ở giai đoạn xét xử phúc thẩm (XXPT) các vụ án hình sự (VAHS) nói riêng nhằm đảm bảo truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đã chỉ rõ: “Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với cơ quan tư pháp ngày càng cao; các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCHN), đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm”.

Theo quy định trong Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và Luật Tổ chức VKSND năm 2002 thì VKSND có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Điều 137, Hiến pháp năm 1992

(sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “VKSND tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp và thống nhất các VKS địa phương, các VKS quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định”.

Riêng đối với hoạt động của VKSND Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư tưởng trong thời gian tới” đã nêu rõ: “VKS các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội....Nâng cao chất

lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên (KSV) tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng với luật sư, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác”.

Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của VKSND ở nước ta trong thời gian qua nhìn chung đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần trong đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót, hạn chế. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền và lợi ích của công dân được đảm bảo chặt chẽ hơn nữa pháp luật Việt Nam đã chính thức ghi nhận nguyên tắc “Thực hiện chế độ hai cấp xét xử” ghi nhận tại Điều 20 (Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003). Quy định này đã phù hợp với thông lệ chung trên thế giới và Công ước về các quyền dân sự và chính trị mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Xét xử phúc thẩm VAHS được coi là một thủ tục do luật định nhằm kiểm tra lại tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao cho VKSND thì việc tiếp tục đi sâu nghiên cứu về *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của VKSND”* có ý nghĩa to lớn trong lý luận cũng như thực tiễn của hoạt động tư pháp hình sự nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Để thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về tư pháp hình sự, trong thời gian qua đã có một số sách báo pháp lý ở nước ta đã tiến hành nghiên cứu việc áp dụng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong XXPT VAHS và đăng tải trên các tạp chí như: Tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), số 3/2001 *“Những vấn đề cần trao đổi từ thực tế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự”* của TS. Từ Văn Nhũ; *“Những vấn đề tồn tại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và những kiến nghị hoàn thiện”* của TS. Dương Ngọc Ngưu (Tạp chí TAND, số 11/2000 và số 01 năm 2001); *“Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp và xây dựng ngành kiểm sát*

nhân dân” (Tạp chí Viện kiểm sát, số 14 năm 2011); “*Nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự*” (Tạp chí kiểm sát số 16,2010).... Ngày 28-6-1988 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thông qua BLTTHS, sự ra đời của Bộ luật này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc nghiên cứu các chế định TTHS nói chung và về vai trò của VKS nói riêng. Và cũng có rất nhiều giáo trình giảng dạy ở bậc đại học, cao đẳng, trường nghề như Trường Đại học Luật Hà Nội, khoa Luật Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà nội, khoa Luật của các học viện như Học viện Cảnh sát, Học viện An ninh, Trường bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát - VKSNDTC, cuốn “*Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự*” của Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Nxb Chính trị quốc gia, 1994 hay cuốn “*Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm*” của TS. Dương Thanh Biểu. Đề tài Luận văn thạc sỹ Luật học của Lã Thị Tú Anh, “*Cơ sở lý luận và thực tiễn về kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam hiện nay*”, năm 2009; Cao Thị Ngọc Hà, “*Vai trò của Luật sư bào chữa trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự*”, đề cương thạc sỹ Luật học, năm 2010.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về lý luận và thực tiễn của thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT các VAHS của VKSND, chưa đưa ra được khái niệm, ý nghĩa cụ thể.

3. Mục đích, phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài: Luận văn muốn làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT các VAHS của VKSND; phân tích các quy định của pháp luật về quyền công tố và lý luận và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT các VAHS của VKSND trong quá trình chuẩn bị XXPT VAHS và tại phiên tòa phúc thẩm VAHS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Về mặt lý luận: Xem xét có hệ thống về khái niệm, đối tượng, phạm vi của công tố và thực hành quyền công tố, XXPT VAHS của VKSND. Bên cạnh

đó nghiên cứu chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát của VKS trong các giai đoạn XXPT VAHS. Cuối cùng đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT VAHS của VKSND.

Về mặt thực tiễn: Khái quát thực trạng về thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT VAHS (về giải quyết các đơn kháng cáo, kháng nghị, chuẩn bị mở phiên tòa phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm...). Luận văn giải quyết vấn đề thực trạng trên cơ sở phân tích các số liệu, ví dụ minh họa, đồng thời đưa ra các bất cập và hạn chế, nguyên nhân của vấn đề. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định có liên quan về việc thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT VAHS.

3.3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VAHS, cụ thể về khái niệm, đặc trưng của quyền công tố và kiểm sát xét XXPT VAHS của VKSND trong các phân giải quyết các đơn kháng cáo, kháng nghị, chuẩn bị mở phiên tòa phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm....Luận văn còn phân tích số liệu về xét xử phúc thẩm VAHS để làm sáng tỏ về thực trạng XXPT VAHS của VKSND trong việc thực hiện chức năng của mình hiện nay.

3.4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Phạm vi về nội dung: XXPT có nội dung rộng và phức tạp của khoa học luật TTHS. Vì vậy, trong phạm vi luận văn tác giả chỉ đi sâu vào nghiên cứu chức năng, quyền hạn của VKS trong giai đoạn XXPT VAHS để làm sáng tỏ về việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT VAHS một cách có hệ thống về mặt lý luận và thực tiễn.

Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu thực trạng về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét XXPT VAHS của VKSND từ năm 2007 đến 6/ 2011.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây

dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, những quy định pháp luật hiện hành về chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung và ở giai đoạn XXPT VAHS nói riêng cũng như việc tổ chức và hoạt động ở nước ta từ 1960 đến nay.

Vì vậy, đề tài dựa trên phương pháp nghiên cứu chủ yếu như: Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Phương pháp phân tích tổng hợp; Phương pháp thống kê, so sánh; Phương pháp khảo sát thực tiễn.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Luận văn hệ thống hóa, làm rõ một số vấn đề lý luận thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT VAHS của VKSND, đặt ra một số kiến nghị góp phần sửa đổi BLTTHS năm 2003, Luật tổ chức VKSND năm 2002 theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn.

Luận văn phân tích và đánh giá thực trạng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT VAHS của VKSND, những mặt được, chưa được và tìm ra nguyên nhân.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn luận văn đề xuất một số giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong XXPT VAHS của VKSND trong thời gian tới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm, đối tượng và phạm vi về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

1.1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của VKSND

Trước khi nghiên cứu về khái niệm thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của VKSND chúng ta cần tìm hiểu một vài nét về các khái niệm “quyền công tố”, “thực hành quyền công tố” và “kiểm sát xét xử các vụ án hình sự”.

Trước hết, quyền công tố ở Việt Nam là quyền của VKS nhân danh công quyền thực hiện việc truy cứu TNHS (buộc tội) đối với người phạm tội và bảo vệ việc buộc tội trước phiên tòa nhằm đảm bảo việc truy tố đúng người, đúng tội và đúng pháp luật”.

Thứ hai, thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các biện pháp do luật định để truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Thứ ba, nghiên cứu về kiểm sát xét xử các VAHS: *“Kiểm sát xét xử các vụ án hình sự” thực chất là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các VAHS.*

Như vậy, thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS là việc là VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu TNHS đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm; được bắt đầu từ khi chuyển cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cùng hồ sơ vụ án sang Tòa án để xét xử và kết thúc khi bản án và quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; không bị cáo, kháng nghị. Đồng thời, giám sát việc tuân theo pháp luật đảm bảo cho việc điều tra, truy tố được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Mặt khác, xét xử phúc thẩm VAHS là một giai đoạn tố tụng, vì vậy, *“Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là việc mà VKS sử dụng tổng hợp các quyền năng tố tụng độc lập để truy cứu TNHS đối với người phạm tội và đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử lại tính hợp pháp và có căn cứ của các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị”.*

1.1.2. Đối tượng của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Thứ nhất, đối tượng thực hành quyền công tố: Là việc sử dụng các quyền năng pháp lý để truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Thứ hai, đối tượng của kiểm sát xét xử các VAHS: Là việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của TAND theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm trong quá trình xét xử các VAHS và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Như vậy, đối tượng của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VAHS là những bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

1.1.3. Phạm vi của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Phạm vi quyền công tố: Bắt đầu từ khi tội phạm thực hiện và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phạm vi công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS được tính từ khi VKS chuyển bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cùng hồ sơ vụ án sang TA để xét xử và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật không bị kháng cáo, kháng nghị.

Tuy nhiên, tác giả cho rằng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS được bắt đầu từ khi TA chính thức thụ lý vụ án để đưa ra xét xử. Bởi vì, theo quy định của Điều 176 BLTTHS và Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 thì sau khi nhận hồ sơ vụ án do VKS chuyển đến, TA vẫn có quyền trả hồ sơ cho VKS nếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đầy đủ so với bản kê tài liệu hoặc bản cáo trạng chưa đợc giao cho bị can. Đối với các trường hợp TA trả hồ sơ nhý trên, trách nhiệm giải quyết vẫn thuộc về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các VAHS. Ngày TA chính thức thụ lý vụ án để đưa ra xét xử là mốc thời gian để tính thời hạn chuẩn bị xét xử và VKS phải căn cứ

vào mốc thời gian này để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc chuẩn bị xét xử của TA.

Như vậy, phạm vi của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT của VKSND là từ khi có bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Cơ sở quy định về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

1.2.1. Cơ sở lý luận

Thứ nhất, xuất phát từ yêu cầu chung của Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Ở Việt Nam. Lần đầu tiên Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định về tổ chức quyền lực Nhà nước mới xuất hiện thuật ngữ quyền tư pháp, quyền lực Nhà nước là thống nhất sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (Điều 2). Trên cơ sở Hiến pháp, Quốc hội tổ chức và giao cho VKSND chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Điều 137 Hiến pháp 2002). Hoạt động của VKSND thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung và thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS nói riêng là hoạt động thực hành quyền lực Nhà nước. Các VKSND địa phương không thừa hành quyền lực của cơ quan Nhà nước địa phương mà thừa hành quyền lực của Cơ quan Nhà nước từ Viện trưởng VKSND tối cao.

Thứ hai, xuất phát từ yêu cầu thiết thực của hoạt động xét xử và đảm bảo quyền, lợi ích của người tham gia tố tụng, tránh oan sai thì pháp luật nước ta quy định chế độ hai cấp xét xử (Điều 20). BLTTHS năm 2003 thể chế hóa đường lối của Đảng về cải cách tư pháp theo tinh thần Chỉ thị 53, Nghị quyết 08 của Bộ chính trị. Thêm vào đó, BLTTHS năm 2003 cũng dành một chương riêng để quy định về tính chất và thủ tục của xét xử phúc thẩm VAHS.

Ngoài ra, còn có các văn bản pháp luật khác như: Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các Quy chế, Nghị quyết về hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn

Điều, khoản BLHS là căn cứ truy cứu TNHS và quyết định hình phạt. Việc áp dụng không đúng điều, khoản BLHS thường dẫn đến việc quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra làm hạn chế tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa của hình phạt. Mặt khác, những sai sót của cấp sơ thẩm về áp dụng điều khoản BLHS có một phần trách nhiệm của KSV. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều KSV làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm còn quá nhiều sai sót như: nghiên cứu hồ sơ chưa sâu, chưa toàn diện, chưa đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS trong quá trình truy tố, xét xử chưa chính xác hoặc còn bỏ sót những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Ngoài ra, ở cấp sơ thẩm còn có nhiều trường hợp vi phạm BLTTHS và các văn bản hướng dẫn Từ những lý do trên xét thấy việc quy định về “thực hiện chế độ hai cấp xét xử” vô cùng quan trọng và cần thiết. Trong đó, vai trò thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm hình sự của VKSND có ý nghĩa rất lớn đến việc đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

1.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm của một số nước trên thế giới

1.3.1. Viện công tố Cộng hòa liên bang Đức

Theo quy định của pháp luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức, tất cả các VAHS được giải quyết thông qua một hệ thống Tòa án 4 cấp (Điều 13 Luật Tòa án), bao gồm: Các Tòa án địa phương; Các Tòa án quận; Các Tòa án tối cao bang; Các Tòa án tối cao liên bang [24].

Cơ quan công tố tại CHLB Đức, giống như hệ thống Tòa án, chủ yếu được tổ chức ở cấp bang.

Căn cứ để mở thủ tục xét xử phúc thẩm là khi có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Tuy nhiên, không phải mọi kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có thể đương nhiên dẫn tới việc mở phiên tòa phúc thẩm.

Về thủ tục giải quyết kháng cáo, kháng nghị (Điều 320, 321, 322a BLTTHS Đức): Sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Tòa án đã thụ lý vụ án có trách nhiệm chuyển kháng cáo cho cơ quan công tố. Đối với kháng nghị của cơ quan công tố, Tòa án có trách nhiệm tổng đạt các tài liệu liên quan đến việc kháng nghị, căn cứ kháng nghị. Cơ quan công tố có trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan công tố cùng cấp với Tòa án xét xử phúc thẩm. Sau đó hồ sơ này được chuyển đến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong thời hạn 1 tuần kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa gửi giấy triệu tập những người có liên quan tới phiên tòa chính thức. Việc triệu tập người làm chứng, người giám định đã được thẩm vấn tại phiên tòa sơ thẩm sẽ được thực hiện nếu xét thấy cần thiết. Cơ quan công tố có quyền triệu tập thêm những người có liên quan tham dự phiên tòa. Trong phiên tòa phúc thẩm Công tố viên trình bày nội dung vụ án và quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm và những vấn đề trong bản án liên quan đến việc kháng án. Tham gia thẩm vấn bị cáo, tiến hành tranh luận với người bào chữa và bị cáo. Sau đó, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án sơ thẩm khi thấy bản án sơ thẩm không đúng pháp luật, đồng thời, chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án nếu Tòa án đã xét xử sơ thẩm sai thẩm quyền [5].

1.3.2. Viện công tố Nhật Bản

Hệ thống tổ chức của Viện công tố Nhật Bản được tổ chức tương ứng với hệ thống Tòa án Nhật Bản và được chia thành 4 cấp.

Hệ thống công tố Nhật Bản hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất và độc lập trong hoạt động của công tố viên. Hai nguyên tắc này có vẻ mâu thuẫn với nhau nhưng lại cùng tồn tại và được coi như một trong những đặc thù của hệ thống công tố Nhật Bản.

Luật TTHS Nhật Bản quy định các bên có thể kháng án phúc thẩm 2 lần. Lần thứ nhất là phúc thẩm Koso hay còn gọi là phúc thẩm đệ nhất cấp, lần thứ 2 là phúc thẩm Jokoku, hay còn gọi là phúc thẩm đệ nhị cấp.

1.3.3. Viện công tố Pháp

Cho đến nay, về mặt hình thức Viện Công tố Pháp được đặt trong hệ thống Tòa án, nhưng không lệ thuộc vào Tòa án.

Đối với thủ tục phúc thẩm các phán quyết của Tòa án vi cảnh, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án Công tố viên cấp quận, Công tố viên trưởng và cán bộ truy tố bên cạnh Tòa án cảnh sát và Tòa án cộng đồng có quyền kháng nghị phán quyết Tòa án vi cảnh. Đối với trường hợp, bị cáo hoặc các bên dân sự được xét xử vắng mặt đồng thời ngày tuyên án không có mặt luật sư hoặc người đại diện thì thời hạn kháng cáo là 10 ngày kể từ ngày tổng đạt phán quyết (Điều 547 BLTTHS Pháp). Những người tham gia phiên tòa phúc thẩm gồm Công tố viên, những người có đơn kháng cáo, bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công tố viên có quyền phản đối việc thẩm vấn đối với những nhân chứng đã được Tòa án cấp sơ thẩm thẩm vấn.

Thủ tục phúc thẩm phán quyết của Tòa tiểu hình: Công tố viên có quyền kháng nghị độc lập hoặc kháng nghị kèm theo kháng cáo của bị cáo. Giữ quyền công tố sẽ do Viện trưởng hoặc một Phó Viện trưởng Viện công tố bên cạnh Tòa phúc thẩm hoặc công tố viên thực hiện (Điều 510 BLTTHS).

Thủ tục phúc thẩm phán quyết của Tòa đại hình: Giữ vai trò công tố là Viện trưởng Viện công tố hoặc Phó Viện trưởng hoặc công tố viên bên cạnh Tòa phúc thẩm đảm nhiệm. Kháng nghị của Công tố viên, công tố viên trưởng được gửi cho Tòa phúc thẩm. Trong trường hợp, trụ sở của Tòa đại hình không cùng địa điểm với trụ sở của Tòa phúc thẩm thì kháng nghị có chữ ký của Công tố viên trưởng được gửi ngay cho văn phòng Tòa đại hình. Gửi kèm kháng nghị là các bình luận của Công tố viên về bản án bị khiếu nại trong trường hợp cần thiết, Công tố viên có thể gửi kèm theo hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử của Tòa đại hình có các bồi thẩm đoàn và các thẩm phán chuyên nghiệp.

Tóm lại, cho dù có truyền thống pháp luật khác nhau và sự tham gia của Viện công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm khác nhau, thì trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vị trí của cơ quan Công tố luôn được khẳng định với vai trò là cơ quan nhân danh Nhà nước thực hiện chức năng buộc tội. Viện công tố cũng không chỉ thực hiện chức năng duy nhất việc buộc tội mà còn phải chú ý đến việc gỡ tội để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo và mục đích cuối cùng là nhằm đảm bảo cho một phán quyết công bằng và hợp pháp đối với bị cáo. Viện công tố thực hiện các nhiệm vụ này thông qua quyền kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm, tham gia phiên tòa phúc thẩm với tư cách là một bên tranh tụng và đề ra những yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

2.1.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Một là, thực hành quyền công tố trước phiên tòa phúc thẩm.

Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS. VKSND có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định sơ thẩm của TAND chưa có hiệu lực pháp luật.

Hai là, thực hành quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại khoản đ, Điều 37 BLTTHS năm 2003 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của KSV là khi tham gia phiên tòa; đọc cáo trạng quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Như vậy, công tác thực hành quyền công tố của VKS tại phiên tòa phúc thẩm gồm các phần sau đây:

Thứ nhất là xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm:

Do tính chất của xét xử phúc thẩm là việc TA cấp phúc thẩm xem xét, kiểm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm thông qua việc xét lại vụ án khi có kháng cáo, kháng nghị. Cho nên nội dung xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm tập trung vào yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Thứ hai, trong phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

Theo Điều 247 BLTTHS thì “thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm cũng tiến hành như phiên tòa sơ thẩm nhưng trước khi xét hỏi, một thành viên Hội đồng xét xử phải trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị. Khi tranh luận KSV phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án”. Như vậy, nếu như ở tại phiên tòa sơ thẩm, khi bắt đầu phần tranh luận KSV trình bày lời luận tội thì tại phiên tòa phúc thẩm, bắt đầu phần tranh luận KSV phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án.

Tiếp sau việc phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, KSV phải đối đáp lại đối với từng ý kiến, từng đề nghị của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đã nhận xét về quan điểm của KSV.

2.1.2. Quy định của pháp luật về kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Ngoài chức năng thực hành quyền công tố thì chức năng kiểm sát xét xử của VKS cũng có vai trò rất quan trọng nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động xét xử phúc thẩm.

Một là, kiểm sát xét xử giai đoạn chuẩn bị xét xử (trước phiên tòa)

Để cho phiên tòa phúc thẩm được xét xử theo đúng thời gian, thành phần, trước khi xét xử TA cấp phúc thẩm phải tiến hành một loạt các thủ tục như thông báo về thời gian, địa điểm xét xử phúc thẩm (Điều 242 BLTTHS); áp

dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (Điều 243 BLTTHS); chuyển hồ sơ cho VKS cùng cấp....

Hai là, kiểm sát việc chấp hành các thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm

Khoản 2 Điều 42 quy chế số 960/2007/QĐ- VKSTC thì khi tham gia phiên tòa phúc thẩm KSV phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử về thủ tục phiên tòa; về thành phần Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa; về việc bổ sung và xem xét chứng cứ mới tại phiên tòa; về việc tuyên án hoặc quyết định của Hội đồng xét xử.

Ba là, kiểm sát sau khi phiên tòa phúc thẩm kết thúc

Theo quy định tại Điều 43 Quy chế số 960/2007/QĐ-VKSTC thì sau phiên tòa phúc thẩm KSV phải kiểm tra biên bản phiên tòa và bản án hoặc quyết định của TA; Báo cáo kết quả phiên tòa; sao chụp bản án hoặc quyết định phúc thẩm gửi Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự; tổ chức rút kinh nghiệm sau phiên tòa; tuyên truyền kết quả phiên tòa; đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm và tái thẩm nếu cần thiết; kiến nghị vi phạm và phòng ngừa tội phạm....Kiểm sát biên bản phiên tòa của Hội đồng xét xử

2.2. Thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

2.2.1.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, về hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử với các vụ án hình sự theo thủ tục phúc thẩm đã khắc phục được những sai sót cơ bản của TA cấp sơ thẩm: về áp dụng các điều, khoản của BLHS, về hình phạt...

Thứ hai, chất lượng, hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm của VKSND trong xét xử phúc thẩm các VAHS đã được nâng cao.

2.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Thứ nhất, nhận thức về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự theo thủ tục phúc thẩm ngày càng được đầy đủ

Thứ hai, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trong Ngành được tăng cường thực hiện kịp thời.

Thứ ba, hệ thống pháp luật HS, TTHS và các ngành luật khác có liên quan ngày càng được hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngày càng được đầy đủ

Thứ tư, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các VAHS đã xây dựng được mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa VKSND với TAND

Thứ năm, quan tâm giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức; nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

2.2.2.1. Những hạn chế

Thứ nhất, chất lượng thực hiện các thao tác nghiệp vụ nhiều mặt còn yếu.

Thứ hai, kháng nghị và chất lượng kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm còn hạn chế, thiếu sót.

Thứ ba, quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm còn nhiều sai sót dẫn đến cấp phúc thẩm gặp nhiều khó khăn, không toàn diện

2.2.2 Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, về mặt khách quan:

Việc phổ biến quán triệt quan điểm của Đảng, nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ ở các địa phương đơn vị tới các KSV có nơi, có lúc chưa đầy đủ, kịp thời.

Bên cạnh đó, còn có những khó khăn khác do hệ thống pháp luật về hình sự, TTHS và bổ trợ tư pháp chưa được hoàn chỉnh, đồng bộ. Văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng trong tình trạng thiếu, chậm, không rõ ràng.

Đội ngũ cán bộ làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự còn nhiều bất cập. Số lượng cán bộ biên chế còn thiếu so với yêu cầu. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác còn nghèo nàn, kinh phí thiếu thốn chưa đảm bảo cho hoạt động bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ hai, về mặt chủ quan:

Do trình độ cán bộ, kiểm sát viên còn có những hạn chế nhất định thực tế cho thấy không ít trường hợp kiểm sát viên chưa nắm vững BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bên cạnh đó, một số KSV thiếu bản lĩnh đã bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc làm thoái hóa, biến chất tiếp tay cho tội phạm, che giấu tội phạm hoặc nhận hối lộ...dẫn đến tình trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự không chính xác, khách quan và không đúng pháp luật.

Về cơ sở vật chất của VKSND: Có thể nói ngay rằng điều kiện vật chất, phương tiện làm việc của VKSND các cấp còn rất yếu và thiếu so với mặt bằng chung của xã hội. Tất cả các vấn đề nêu trên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự.

CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

3.1. Hoàn thiện pháp luật

3.1.1 Hoàn thiện pháp luật hình sự

Về vấn đề xử lý đối với trường hợp có đồng phạm và áp dụng Điều 47 BLHS. Theo tác giả, để giải quyết những vướng mắc và bất hợp lư như hiện nay cần sớm nghiên cứu xem xét, sửa đổi quy định của Điều 47 BLHS theo hướng mở hơn hoặc bổ sung cụ thể hơn nguyên tắc xử lý vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên, trong khi chưa có sửa đổi, bổ sung quy định của Điều 47 BLHS thì chúng ta vẫn phải thực hiện đúng nội dung quy định của điều luật.

Về tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả có nơi áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, có nơi áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS. Do đó, liên ngành trung ương cần sớm nghiên cứu để có sự sửa đổi Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP cho phù hợp thực tế truy tố và xét xử hiện nay.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Trong tiến trình sửa đổi BLTTHS sắp tới cần quy định bổ sung căn cứ kháng nghị phúc thẩm, việc gửi bản án sơ thẩm của Tòa án cho VKS cấp trên

trực tiếp. Thời hạn gửi bản án sơ thẩm không quá 7 ngày (thay vì hiện nay là 10 ngày) kể từ ngày tuyên án để VKS cùng cấp và VKS cấp trên có thời gian kiểm tra nghiên cứu phát hiện vi phạm kháng nghị phúc thẩm. Đồng thời cần bổ sung Điều 249 BLTTHS quy định về thẩm quyền của TA cấp phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo nếu có kháng nghị của VKS hoặc kháng cáo của người bị hại. Về nguyên tắc, Tòa án cấp phúc thẩm không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Tuy nhiên, TA cấp phúc thẩm vẫn có quyền sửa bản án, quyết định sơ thẩm theo hướng bất lợi cho bị cáo trong trường hợp VKS kháng nghị và đây là vấn đề còn nhiều vướng mắc.

Để tăng cường chất lượng kháng nghị của VKS và phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp, bộ máy của các cơ quan tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp, trong lần sửa đổi BLTTHS cần quy định: VKS (Viện công tố khu vực ngang cấp với Tòa sơ thẩm khu vực) có quyền kháng nghị phúc thẩm, còn thẩm quyền của Viện công tố cấp trên cần được cân nhắc thêm sau khi đã xác định rõ mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công tố theo yêu cầu cải cách tư pháp để có quy định cho phù hợp với tình hình và nhu cầu của thực tiễn tư pháp Việt Nam.

3.1.3 Hoàn thiện các văn bản pháp luật khác

Luật tổ chức VKSND cần hoàn thiện theo những hướng sau:

- Phải khẳng định VKSND là một hệ thống cơ quan được tổ chức độc lập theo nguyên tắc tập trung thống nhất trực thuộc Quốc hội.

- Bộ máy VKSND được tổ chức thành 4 cấp đó là: VKSND tối cao, VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện. So với trước đây hình thành một cấp kiểm sát mới là VKSND cấp cao theo đúng tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị có chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm.

- Xây dựng cơ chế về mối quan hệ giữa các cấp kiểm sát theo hướng VKS cấp dưới chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của VKS cấp trên và chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng VKS tối cao.

- Nhấn mạnh 2 chức năng của VKSND: Chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, hai chức năng này gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau và không thể bỏ một chức năng nào cả. Với hai chức năng này, trong giai đoạn xét xử các VAHS, VKSND có hai nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện quyền công tố tại phiên tòa và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của TAND và người tham gia tố tụng khác. Cũng như bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào, TA phải chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội, nhưng Quốc Hội không thể thực hiện được sự giám sát của mình đối với hoạt động xét xử của TA nên giao việc giám sát đó cho VKSND và chỉ có VKSND mới được thực hiện được nhiệm vụ giám sát này mà không một cơ quan Nhà nước nào có thể thay thế.

- Sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức VKSND theo hướng: Quy định về vị trí, vai trò, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi nội dung, phương thức thực hiện chức năng, tổ chức bộ máy; kiểm sát viên...để phù hợp với Hiến pháp sau khi đã sửa đổi.

+ Ngoài việc hoàn thiện bộ luật, các luật nêu trên cần hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, các Thông tư liên tịch...đồng thời hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự với các công tác khác trong ngành kiểm sát như công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra...và công tác xét xử hình sự.

3.2. Các giải pháp khác

3.2.1. Hoàn thiện về tổ chức

3.2.1.1. Tăng cường vai trò của Lãnh đạo

Tăng cường vai trò của Viện trưởng VKS trước hết là nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Viện trưởng trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự.

Nâng cao vai trò Lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp còn đòi hỏi tăng cường hơn nữa vai trò Lãnh đạo của Viện trưởng VKS cấp trên đối với Viện trưởng VKS cấp dưới.

3.2.1.2. Sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bố trí những KSV có năng lực thật sự vào khâu thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các VAHS

Việc đầu tiên chúng ta cần giải quyết nhằm vào cái gốc của vấn đề đó là tổ chức cán bộ phải mạnh dạn và kiên quyết điều chuyển những cán bộ có năng lực thực sự bổ sung cho khâu công tác thực hành thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự.

3.2.1.3 Tăng cường sự phối kết hợp giữa các Viện phúc thẩm và VKS các địa phương về công tác kháng nghị phúc thẩm

Xây dựng mối quan hệ giữa VKS với TA cùng cấp và với các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân. Thực tiễn công tác của ngành kiểm sát cho thấy mối quan hệ phối hợp với VKS các cấp với các cơ quan TA, Công an, Thanh tra, Tư pháp, các cơ quan khác của Nhà nước, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận và các đơn vị vũ trang nhân dân không chỉ là một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung và thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự nói riêng mà còn là nguyên tắc hoạt động của VKSND.

3.2.1.4. Cần tăng cường và đổi mới công tác tập huấn các văn bản pháp luật và nghiệp vụ

Công tác quán triệt, tập huấn các Bộ luật, Luật và các văn bản hướng dẫn pháp luật trong thời gian qua đã được chú trọng rất nhiều và có ý nghĩa rất lớn, thiết thực đối với hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các VAHS trong đó có giai đoạn XXPT VAHS. Việc tổng kết đánh giá kết quả công tác thi đua hàng năm với các đơn vị trong ngành cần đưa kết quả thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm là một trong những tiêu chí để đánh giá. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng kháng nghị của từng đơn vị không chỉ căn cứ vào tỷ lệ kháng nghị được TA cấp phúc thẩm chấp nhận mà cần căn cứ cả vào tỷ lệ kháng nghị được VKS cấp phúc thẩm bảo vệ để tránh xu hướng kháng nghị được chấp nhận ít nên hạn chế việc kháng nghị phúc thẩm.

3.2.1.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

Việc đầu tư mạnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho VKS các cấp đặc biệt là tăng cường trang bị phương tiện giao thông, liên lạc, trang thiết bị khoa học công nghệ cho VKS các cấp là hết sức cần thiết đảm bảo cho hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ở giai đoạn xét xử đạt chất lượng hiệu quả cao. Cần quan tâm tới xây dựng cơ sở vật chất đối với VKS khu vực ở miền núi, vùng sâu, vùng xa miền núi, hải đảo như: Phải có kế hoạch ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa trụ sở, việc đầu tư các hạng mục trụ sở làm việc phải sát thực tế địa bàn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và hải đảo, tránh rập khuôn máy móc phù hợp với mục đích sử dụng và tiết kiệm, hậu quả, tránh lãng phí.

3.2.2. Hoàn thiện về cán bộ

3.2.2.1. Nâng cao giáo dục, ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho kiểm sát viên

Hồ Chủ tịch nói “Cán bộ” là gốc của công việc, việc thành bại đều do cán bộ mà ra. Việc rèn luyện ý thức chính trị phải đi đôi với rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ, KSV. Nếu KSV không thường xuyên rèn luyện ý thức chính trị và trau dồi đạo đức của mình thì dễ bị những lợi ích về vật chất, về tinh thần cám dỗ và sẽ đi đến vi phạm pháp luật. Khi KSV có ý thức chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt sẽ biết cách khắc phục những khó khăn chủ quan và khách quan trước mắt và từ chối những cám dỗ về lợi ích, về vật chất và tinh thần để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cùng với việc nâng cao năng lực trình độ, việc nâng cao ý thức trách nhiệm đối với mỗi KSV cũng hết sức quan trọng.

3.2.2.2. Tăng cường bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ Kiểm sát viên

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được xem là giải pháp quan trọng hàng đầu trong thực hiện chiến lược cán bộ, ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Ngành. Do vậy, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được thực hiện thường xuyên; một số chương trình, khóa đào tạo, bồi dưỡng phải mang tính bắt buộc để trang bị kiến thức cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Quan tâm thường xuyên đến công

tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho cán bộ. Trong công tác cán bộ cần phải có chiến lược đào tạo bài bản có tính đến kế hoạch và quy hoạch sử dụng cán bộ trong 5 năm, 10 năm và 20 năm sau. Để lựa chọn cán bộ lãnh đạo xứng tầm cũng cần phải có chiến lược riêng về vấn đề này, cần có sự lựa chọn những người ưu tú trong đội ngũ KSV đã trải qua thử thách có khả năng chuyên môn, có bản lĩnh nghề nghiệp và có đạo đức trong sáng để đưa đi đào tạo. Việc đào tạo cán bộ lãnh đạo cần phải trải qua việc lãnh đạo từ cấp cơ sở, kết hợp việc đào tạo trong nước cũng như những khóa ngắn hạn ở nước ngoài

Để nâng cao năng lực, trình độ, nâng cao nhận thức luật và áp dụng luật mỗi KSV phải tự nghiên cứu, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm. Do đó, trong ngành cần phải có chiến lược đào tạo cán bộ để đáp ứng yêu cầu của các Nghị quyết 08, 48, 49, của Bộ chính trị về cải cách tư pháp.

KẾT LUẬN

“Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự” là một quyền năng pháp lý quan trọng nhà nước chỉ trao cho VKS nhằm đảm bảo cho pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng được tuân thủ nghiêm chỉnh và triệt để. VKS bằng việc thực hành tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp đã góp phần giữ vững an ninh chính trị góp phần ổn định xã hội để đảm bảo cho việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị được đặt ra.

Với việc sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, quy nạp, diễn giải, lịch sử, so sánh, thống kê, dự báo... về cơ bản đề tài luận văn: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của VKSND” đã đạt được mục đích và hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể khái quát như sau:

1. Qua việc đưa ra và phân tích các khái niệm về Quyền công tố, thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp, luận văn đã xây dựng được khái niệm, đối tượng, phạm vi của thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của VKSND. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đề tài để làm rõ sự cần thiết trong vai trò thực

hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự của VKSND. Bên cạnh đó, tác giả cũng nghiên cứu và nêu lên mô hình VKS ở một số nước trong hoạt động thực hành quyền công tố và xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

2. Dựa trên các quy định của pháp luật tác giả phân tích cụ thể về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự thông qua các giai đoạn cụ thể. Đồng thời nêu lên thực trạng áp dụng qua các vụ án và số liệu thống kê, để từ đó rút ra được những ưu điểm, nhược điểm, những tồn tại của sự thiếu sót. Theo đó tác giả nêu lên những nguyên nhân tồn tại của sự thiếu sót này.

3. Từ những hạn chế của chương II, tác giả đã mạnh dạn đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại và thiếu sót trên. Việc thực hiện đồng bộ những giải pháp này sẽ góp phần bảo đảm hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm vụ án hình sự được thực hiện tốt hơn.